

Số: 234 /KL-UBND

Bình Phước, ngày 25 tháng 7 năm 2023

KẾT LUẬN

**Thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý,
sử dụng đất đai và quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản
tại một số huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản một số huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 186/BC-Đ.TTr ngày 12/5/2023, Tờ trình số 198/TT-ĐT.Tr ngày 22/6/2023 của Đoàn thanh tra số 208/QĐ-UBND,

Chủ tịch UBND tỉnh kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản một số huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra đối với UBND thị xã Phước Long, UBND huyện Bù Đăng, UBND huyện Bù Đốp; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, phường, thị trấn thuộc UBND một số huyện, thị xã trên và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra về các nội dung: Công tác quy hoạch, lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Công tác thực hiện các quy định về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Công tác quản lý nhà nước đối với đất công; Tình hình hiến đất làm đường trên địa bàn; Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và khoáng sản. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 - 31/12/2022. Thời hạn thanh tra là 45 ngày làm việc.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Công tác quy hoạch, lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm

1.1. Việc lập và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

Stt	Tên huyện, thị xã, thành phố	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	
		Quyết định phê duyệt	Thời điểm phê duyệt
1	Phước Long	3272/QĐ-UBND	30/12/2021
2	Bù Đăng	1516/QĐ-UBND	23/8/2022
3	Bù Đốp	1359/QĐ-UBND	27/7/2022

1.2. Việc lập kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ) hàng năm

Stt	Tên huyện, thị xã, thành phố	KHSDĐ năm 2020	KHSDĐ năm 2021	KHSDĐ năm 2022
		QĐ, thời điểm phê duyệt	QĐ, thời điểm phê duyệt	QĐ, thời điểm phê duyệt
1	Phước Long	1931/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	807/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	563/QĐ-UBND ngày 25/3/2022
2	Bù Đăng	1677/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 3451/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1042/QĐ-UBND ngày 26/4/2022	624/QĐ-UBND ngày 05/4/2022
3	Bù Đốp	1211/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	1176/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	1498/QĐ-UBND ngày 22/8/2022

1.3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu trong năm kế hoạch sử dụng đất 2020, 2021, 2022 của UBND huyện Bù Đăng, UBND huyện Bù Đốp, UBND thị xã Phước Long được thể hiện cụ thể tại (phụ biểu số 01a, 01b, 01c kèm theo).

1.4. Tình hình quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt

UBND thị xã Phước Long; UBND huyện Bù Đăng; UBND huyện Bù Đốp có trình UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất theo điều kiện tình hình thực tế của từng địa phương.

Qua kiểm tra hồ sơ do đơn vị cung cấp Đoàn Thanh tra ghi nhận:

- Đối với UBND huyện Bù Đăng:

+ Việc quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm tổ chức triển khai thực hiện chậm là chưa đúng khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định “*Quý III hàng năm, UBND cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau đến Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp tỉnh phê duyệt xong trước ngày 31/12*”¹.

+ Việc công khai Kế hoạch sử dụng đất hàng năm chậm so với quy định tại Điều 48 Luật Đất đai 2013 về công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất “*việc công bố công khai được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt*”.

+ Chưa lấy ý kiến trực tiếp của Nhân dân về kế hoạch sử dụng đất hàng năm là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai 2013 “*việc lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được thực hiện thông qua hình thức tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và*

¹ Năm 2020 chậm 9 tháng; năm 2021 chậm 6 tháng; năm 2022 chậm 6 tháng.

công khai thông tin về nội dung của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện”.

- Đối với UBND huyện Bù Đốp:

+ Việc quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm tổ chức triển khai thực hiện chậm là chưa đúng khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định “*Quý III hàng năm, UBND cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau đến Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp tỉnh phê duyệt xong trước ngày 31/12*”².

+ Chưa lấy ý kiến trực tiếp của Nhân dân về kế hoạch sử dụng đất hàng năm là chưa theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai 2013 “*việc lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được thực hiện thông qua hình thức tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin về nội dung của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện*”.

2. Công tác thực hiện các quy định về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Do thời gian có hạn, Đoàn Thanh tra chỉ tiến hành thanh tra ngẫu nhiên một số nội dung, các nội dung khác chỉ ghi nhận theo số liệu báo cáo của đơn vị, cụ thể như sau:

2.1. Tình hình giao đất tái định cư, đấu giá đất

- **UBND thị xã Phước Long:** Từ năm 2020 - 2022, tổng diện tích đã giao là 5,4 ha, trong đó: Năm 2020, tổng diện tích đã giao là 0,8 ha: giao đất cho người trúng đấu giá là 0,8 ha. Năm 2021, tổng diện tích đã giao là 2,43 ha: giao đất cho người trúng đấu giá là 2,43 ha. Năm 2022, tổng diện tích đã giao là 2,17 ha: giao đất cho người trúng đấu giá là 2,17 ha.

Do thời gian có hạn nên Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra ngẫu nhiên 06 hồ sơ đấu giá đất thu tiền sử dụng đất ghi nhận:

+ 03/06³ đợt đấu giá chậm hoàn trả tiền đặt trước theo thời gian quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính “*...việc hoàn trả tiền đặt trước thực hiện trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trong thời hạn khác do các bên thỏa thuận ...*” (có phụ biểu 02 kèm theo).

+ Việc xây dựng phương án đề đấu giá quyền sử dụng đất, loại đất ở đối với đợt đấu giá khu đất có ký hiệu SL1, SL2, BT 1 (38 lô) thuộc dự án Trung

² Năm 2020 chậm 9 tháng; năm 2021 chậm 6 tháng; năm 2022 chậm 6 tháng.

³ Khu TTHC & Khu ĐTM thị xã (44 cá nhân). Khu TTHC và khu ĐTM thị xã (02 cá nhân). Khu TTHC và Khu ĐTM thị xã (23 cá nhân). Khu 4 lô (4 cá nhân). Khu TTHC thị xã (38 cá nhân) đấu ngày 8/3/2021.

tâm hành chính (TTHC) và khu Đô thị mới (khu ĐTM) thị xã Phước Long là không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: ...Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân”.

+ Đơn vị chưa cung cấp phiếu trả giá từng vòng đối với 05 đợt đấu giá Khu TTHC và khu ĐTM thị xã (44 cá nhân; 2 cá nhân; 23 cá nhân; 04 cá nhân; 38 cá nhân).

+ Xuất chưa kịp thời đối với tất cả các hoá đơn bán ra là vi phạm Điều 98 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về sử dụng hóa đơn “1. Thời điểm lập hóa đơn: Hóa đơn phải được lập ngay khi bán tài sản hoặc khi nhận đủ tiền mua tài sản của tổ chức, cá nhân”.

+ Đơn vị thay đổi nội dung đấu giá đã được niêm yết (thay đổi thời gian đấu giá từ ngày 04/10/2021 sang ngày 07/10/2021) đối với đợt đấu giá 04 lô đất (L1-L4) tại khu phố 4, phường Long Thủy, thị xã Phước Long nhưng không thông báo công khai.

- **UBND huyện Bù Đăng:** Từ năm 2020 – 2022, tổng diện tích đã giao là 7,73 ha, trong đó: Năm 2020 tổng diện tích đất đã giao là 2,92 ha: giao đất cho người đấu giá quyền sử dụng đất là 2,92 ha; Năm 2021 tổng diện tích đất đã giao là 3,39 ha: Giao đất tái định cư là 0,11 ha, giao đất cho người đấu giá quyền sử dụng đất là 3,28 ha; Năm 2022 tổng diện tích đất đã giao là 1,43 ha: Giao đất tái định cư là 0,49 ha, giao đất cho người đấu giá quyền sử dụng đất là 0,94 ha.

Do thời gian có hạn nên Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra ngẫu nhiên 03 hồ sơ đấu giá (phụ biểu số 03 kèm theo) ghi nhận:

+ Việc xây dựng phương án để đấu giá quyền sử dụng đất, loại đất ở đối với 03 đợt đấu giá là không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, quy định: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: ...Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân.

+ Xuất hóa đơn bán hàng chưa kịp thời đối với tất cả các hoá đơn bán ra là vi phạm Điều 98 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về sử dụng hóa đơn “1. Thời điểm lập hóa đơn: Hóa đơn phải được lập ngay khi bán tài sản hoặc khi nhận đủ tiền mua tài sản của tổ chức, cá nhân” (năm 2022).

+ Năm 2021, 2022 Báo cáo sử dụng hoá đơn chậm theo điểm a khoản 2 Điều 99 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ “Hàng năm, chậm nhất ngày 25 tháng 02 của năm sau lập Báo cáo nhập, xuất, tồn hóa đơn năm trước, gửi cơ quan tài chính cấp trên theo Mẫu số 09/TSC-HĐ ban hành kèm theo Nghị định 151”⁴.

⁴ Năm 2021: 23/8/2021 (chậm 6 tháng); năm 2022: 09/3/2023 (chậm 12 ngày).

- **UBND huyện Bù Đốp:** Từ năm 2020 - 2022, tổng diện tích đã giao là 51,907 ha, trong đó: Năm 2020, tổng diện tích đã giao là 22,629 ha: giao đất tái định cư là 0 ha, giao đất cho người trúng đấu giá là 22,629 ha. Năm 2021, tổng diện tích đã giao là 29,278 ha: giao đất tái định cư là 0 ha, giao đất cho người trúng đấu giá là 29,278 ha. Năm 2022 không có.

Qua kiểm tra ngẫu nhiên 01 hồ sơ đấu giá do đơn vị cung cấp, Đoàn Thanh tra ghi nhận: Việc xây dựng phương án để đấu giá quyền sử dụng đất, loại đất ở đối với đợt đấu giá khu đất đường Nguyễn Lương Bằng, khu phố Thanh Xuân, phường Thanh Bình và đợt đấu giá khu đất đường Hùng Vương, đường quy hoạch khu phố Thanh Xuân, phường Thanh Bình và ấp 6, xã Thanh Hoà là chưa đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, quy định: *Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: ...Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân.*

2.2. Tình hình cho thuê đất, cho thuê mặt nước

- **UBND thị xã Phước Long:** Từ năm 2020 - 2022, tổng diện tích cho thuê đất và mặt nước là 1,45 ha (năm 2022).

- **UBND huyện Bù Đốp:** Từ năm 2020 - 2022, tổng diện tích cho thuê đất và mặt nước là 117 ha.

- **UBND huyện Bù Đăng:** Từ năm 2020 – 2022, tổng diện tích đã cho thuê đất, thuê mặt nước là 9,2 ha (năm 2020).

Do thời gian có hạn nên Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra ngẫu nhiên 16 hồ sơ (phụ biểu số 04 kèm theo) ghi nhận:

+ Có 03/16 hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường giao một công chức thực hiện việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và phối hợp xác minh thực địa chung một biên bản là chưa phù hợp; theo quy định việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định Điều 4, khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định: *Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... được lập trên cơ sở hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và ý kiến tại cuộc họp thẩm định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc kết quả kiểm tra thực địa. Khoản 2: Nội dung văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất gồm: Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; ...;*

+ Có 01/16 hồ sơ không có văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định: *Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) quyết định giao đất, cho thuê*

đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập gồm: ... Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; ...

2.3. Việc đăng ký đất đai, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân (cấp mới) từ năm 2020 – 2022

- UBND thị xã Phước Long:

+ Kết quả việc thực hiện đăng ký đất đai, cấp GCNQ SDĐ lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân: tổng số hồ sơ cấp GCNQSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân 202 hồ sơ/11,3 ha.

+ Kết quả đăng ký biến động đất đai (có phụ biểu 05 kèm theo).

+ Việc thực hiện trích lục, trích đo bản đồ địa chính phục vụ cho công tác cấp GCNQSDĐ: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận là 202; số hồ sơ đã thực hiện trước và đúng hạn 202 hồ sơ; số hồ sơ đang thực hiện 0 hồ sơ; số hồ sơ trễ hạn 0 hồ sơ.

Do thời gian có hạn nên Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra ngẫu nhiên 10 hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ lần đầu (phụ biểu số 06 kèm theo) ghi nhận: 03/10 trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng không thông qua đấu giá, nhưng không thuộc khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai 2013.⁵

- UBND huyện Bù Đăng:

+ Kết quả việc thực hiện đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân: tổng số hồ sơ cấp GCNQSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân 5.343 hồ sơ/4.851,08ha.

+ Kết quả đăng ký biến động đất đai (có phụ biểu 07 kèm theo).

+ Việc thực hiện trích lục, trích đo bản đồ địa chính phục vụ cho công tác cấp GCNQSDĐ: Tổng số hồ sơ trích đo từ năm 2020 - 2022: 19.671 hồ sơ, trong đó: năm 2020: 3.866 hồ sơ; năm 2021: 4.110 hồ sơ; năm 2022: 11.695 hồ sơ. Tổng số hồ sơ trích lục từ năm 2020 - 2022: 10.953 hồ sơ, trong đó: năm 2020: 3.103 hồ sơ; năm 2021: 2.983 hồ sơ; năm 2022: 4.867 hồ sơ.

Do thời gian có hạn nên Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra ngẫu nhiên 23 hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ lần đầu (phụ biểu số 08 kèm theo): Về cơ bản đơn vị thực hiện theo quy định.

- UBND huyện Bù Đốp:

+ Kết quả việc thực hiện đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân: tổng số hồ sơ cấp GCNQSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân 682 hồ sơ/407,62ha.

+ Kết quả đăng ký biến động đất đai (có phụ biểu 09 kèm theo).

⁵ Nguyễn Văn Tốt, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 27, diện tích: 58,6m²; địa chỉ: KP5, phường Long Thủy, TX Phước Long; Nguyễn Thị Kim Hoa, thửa đất số 206, tờ bản đồ số 42, diện tích: 24,8m²; địa chỉ: KP1, phường Long Thủy, TX Phước Long; Hoàng Văn Tú, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích: 56,0m²; địa chỉ: KP4, phường Long Thủy, TX Phước Long.

+ Việc thực hiện trích lục, trích đo bản đồ địa chính phục vụ cho công tác cấp GCNQSDĐ: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận là: 9.020 hồ sơ; số hồ sơ đã thực hiện trước và đúng hạn: 8.969 hồ sơ; số hồ sơ đang thực hiện 51 hồ sơ; số hồ sơ trễ hạn 0 hồ sơ.

2.4. Việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

- **UBND thị xã Phước Long:** Trong kỳ đã thực hiện 647 hồ sơ chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân từ đất nông nghiệp (không phải là đất lúa) chuyển mục đích sang đất ở với tổng số lượng 647 hồ sơ/ diện tích 19,89ha: Trong đó năm 2020 thực hiện số lượng 233 hồ sơ với diện tích 7,85 ha; năm 2021 thực hiện số lượng 243 hồ sơ với diện tích 7,06 ha; năm 2022 thực hiện số lượng 171 hồ sơ với diện tích 4,98 ha.

Do thời gian có hạn nên Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra ngẫu nhiên 12 hồ sơ (phụ biểu số 10 kèm theo) ghi nhận: Có 12/12 hồ sơ, văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất và xác minh thực địa chung một biên bản do công chức xác nhận là chưa phù hợp; theo quy định việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ: Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **UBND huyện Bù Đăng:** Trong kỳ đã thực hiện 2.452 hồ sơ chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân từ đất nông nghiệp (không phải là đất lúa) chuyển mục đích sang đất ở, với tổng số lượng 2.452 hồ sơ/ diện tích 111,3 ha: Trong đó năm 2020 thực hiện số lượng 750 hồ sơ với diện tích 17,4 ha; năm 2021 thực hiện số lượng 495 hồ sơ với diện tích 18 ha; năm 2022 thực hiện số lượng 1.207 hồ sơ với diện tích 75,7 ha.

Do thời gian có hạn nên Đoàn thanh tra chỉ đi kiểm tra ngẫu nhiên 22 hồ sơ (phụ biểu số 11 kèm theo) ghi nhận:

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức tiếp nhận việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện: *Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện: Các phòng, ban cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất thuộc danh mục chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện theo từng đơn vị hành chính cấp xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương. Các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi nhu cầu sử dụng đất về Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất;*

+ Có 21/22 hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường giao một công chức thực hiện việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và phối hợp xác minh thực địa chung một biên bản là chưa phù hợp; theo quy định việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất do Phòng Tài nguyên và môi trường thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: *Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất* và khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Có 04/22 hồ sơ trễ hạn theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành tài nguyên, môi trường.

- **UBND huyện Bù Đốp:** Trong kỳ đã thực hiện 836 hồ sơ chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân từ đất nông nghiệp (không phải là đất lúa) chuyển mục đích sang đất ở, với tổng số lượng 836 hồ sơ/ diện tích 25,705 ha: Trong đó năm 2020 thực hiện số lượng 236 hồ sơ với diện tích 9,622 ha; năm 2021 thực hiện số lượng 200 hồ sơ với diện tích 4,859 ha; năm 2022 thực hiện số lượng 400 hồ sơ với diện tích 11,224ha.

Do thời gian có hạn nên Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra ngẫu nhiên 15 hồ sơ (phụ biểu số 12 kèm theo) ghi nhận: Có 3/15 hồ sơ trễ hạn là chưa đúng theo Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 3/8/2021 của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành tài nguyên, môi trường.

2.5. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai

Do thời gian có hạn Đoàn thanh tra không kiểm tra nội dung này và ghi nhận báo cáo của các đơn vị như sau:

- UBND thị xã Phước Long: Từ năm 2020-2022, tổng thu là **733.521 triệu đồng**, trong đó: Năm 2020: tổng thu là 202.499 triệu đồng⁶. Năm 2021: tổng thu là 185.264 triệu đồng⁷. Năm 2022: tổng thu là 345.758 triệu đồng⁸.

⁶ Trong đó thu từ các dự án đấu giá là 161.700 triệu đồng, thu từ giao đất 0 triệu đồng, thu từ chuyển mục đích, cấp mới trong dân là 40.799 triệu đồng. Trong năm thực hiện miễn giảm tiền sử dụng đất cho 0 cá nhân số tiền miễn giảm phát sinh là 0 triệu đồng.

⁷ Trong đó thu từ các dự án đấu giá là 142.892 triệu đồng, thu từ giao đất 0 triệu đồng, thu từ chuyển mục đích, cấp mới trong dân là 42.372 triệu đồng. Trong năm thực hiện miễn giảm tiền sử dụng đất cho 02 cá nhân số tiền miễn giảm phát sinh là 72 triệu đồng.

⁸ Trong đó thu từ các dự án đấu giá là 311.375 triệu đồng, thu từ giao đất 0 triệu đồng, thu từ chuyển mục đích, cấp mới trong dân là 34.383 triệu đồng. Trong năm thực hiện miễn giảm tiền sử dụng đất cho 0 cá nhân số tiền miễn giảm phát sinh là 0 triệu đồng.

- UBND huyện Bù Đăng: Từ năm 2020 – 2022 tổng thu là **274.624.255.796 đồng**, trong đó: Năm 2020: Tổng thu là 98.945.085.500 đồng. Năm 2021: Tổng thu là 117.021.444.417 đồng. Năm 2022: Tổng thu là 58.657.725.879 đồng.

- UBND huyện Bù Đốp: Từ năm 2020-2022, tổng thu là **536.719.168.750 triệu đồng**, trong đó: Năm 2020: Tổng thu là 92.875.925.000 triệu đồng⁹. Năm 2021: Tổng thu là 417.932.570.750 triệu đồng¹⁰. Năm 2022: Tổng thu là 25.910.673.000 triệu đồng¹¹.

3. Công tác quản lý nhà nước đối với đất công

- **UBND thị xã Phước Long:** Tổng quỹ đất công huyện đang quản lý sử dụng: 87,16 ha, trong đó, đất tái định cư: 0,317 ha, đất cho thuê: 6,551 ha, đất an sinh xã hội, Chương trình 134: 0 ha, đất công chưa sử dụng khác: 80,294 m².

- **UBND huyện Bù Đăng:** Đất công chưa sử dụng do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý: 54,69 ha, đất tái định cư: 0 ha, đất cho thuê: 9,21 ha. Diện tích đất an sinh xã hội của huyện: 461,65 ha, thực hiện liên doanh trồng cao su tạo quỹ “Xóa đói giảm nghèo” huyện Bù Đăng với Công ty TNHH MTV cao su Phú Thịnh 50/50. Diện tích đất 134: 592,2 ha (đã giao cho người dân). Diện tích đất các chương trình giao đất khác: 753,66 ha (đã giao cho người dân).

- **UBND huyện Bù Đốp:** Tổng quỹ đất công huyện đang quản lý sử dụng là 3072,69ha, trong đó, đất an sinh xã hội được tỉnh giao về địa phương là 182,2 ha. Sau khi trừ phần diện tích làm đường và diện tích nương, suối diện tích còn lại đã cấp cho 156 hộ với diện tích 152,3ha; diện tích trồng thấp, ngập nước giao UBND xã Phước Thiện quản lý 11ha, hiện nay huyện đang quản lý 4,6ha. Diện tích đất 134 đã cấp xong cho 470 hộ với diện tích 270,9ha.

Qua kiểm hồ sơ do đơn vị cung cấp Đoàn Thanh tra ghi nhận:

- UBND thị xã Phước Long; UBND huyện Bù Đốp cơ bản đã thực hiện việc đo đạc, cắm mốc quỹ đất công để quản lý tránh tình trạng tranh chấp, lấn chiếm.

- UBND huyện Bù Đăng còn một số diện tích chưa thực hiện việc đo đạc, cắm mốc quỹ đất công.

4. Việc hiến đất làm đường

Theo báo cáo của UBND thị xã Phước Long; UBND huyện Bù Đăng; UBND huyện Bù Đốp trong kỳ thanh tra không có trường hợp nào hiến đất làm đường.

⁹ Thu từ các dự án đầu giá là 73.757.700.000 triệu đồng, thu từ chuyển mục đích trong dân là 19.118.225.000 triệu đồng.

¹⁰ Thu từ các dự án đầu giá là 397.383.105.750 triệu đồng, thu từ chuyển mục đích trong dân là 20.549.465.000 triệu đồng. Trong năm thực hiện miễn giảm tiền sử dụng đất cho 01 cá nhân, số tiền miễn giảm phát sinh là 17.040.000 đồng.

¹¹ Thu từ các dự án đầu giá là 0 triệu đồng, thu từ chuyển mục đích trong dân là 25.910.673.000 triệu đồng.

5. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và khoáng sản

- UBND thị xã Phước Long

+ Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản: Từ năm 2020 – 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND thị xã Phước Long thành lập **02** đoàn kiểm tra liên quan đến việc quản lý, sử dụng khoáng sản.

+ Việc xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên khoáng sản: từ năm 2020 – 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho Chủ tịch UBND thị xã Phước Long ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản (san lấp, cải tạo mặt bằng đất trồng cây lâu năm) với **05** cá nhân (hộ gia đình), với tổng số tiền xử phạt là **50,8** triệu đồng.

Qua kiểm tra một số hồ sơ do đơn vị cung cấp, Đoàn Thanh tra ghi nhận: Các lỗi vi phạm hành chính, hầu hết về san lấp, cải tạo mặt bằng trên đất nông nghiệp. Tuy nhiên, chưa kiểm tra hiện trạng sau khi xử phạt; các hộ vi phạm chưa khắc phục hiện trạng ban đầu, chưa có biện pháp xử lý đối với các hộ vi phạm.

- UBND huyện Bù Đăng

+ Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản: Từ năm 2020 – 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND huyện thành lập 04 đoàn kiểm tra liên quan đến việc quản lý, sử dụng khoáng sản.

+ Việc xử phạt vi phạm liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên khoáng sản: từ năm 2020 – 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản với 19 tổ chức/cá nhân, với tổng số tiền xử phạt 784.677.438 đồng.

Qua kiểm tra một số hồ sơ do đơn vị cung cấp Đoàn Thanh tra ghi nhận:

+ Việc ông Triệu Văn Lực, Nguyễn Văn Hòa - xã Đường 10 (tại lô 9, khoảnh 6, tiểu khu 145 và thôn 5) khai thác khoáng sản trái phép; hủy hoại đất; làm biến dạng địa hình; suy giảm khả năng sử dụng đất... nhưng không tiến hành xử phạt theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ) là buông lỏng quản lý.

+ Việc ông Nguyễn Xuân Hùng - xã Đăk Nhau tự ý mở đường đi trên đất nông nghiệp không có trong quy hoạch nhưng UBND xã Đăk Nhau chỉ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 6.000.000 đồng (*sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai*), không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; buộc ông Hùng phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là chưa đủ răn đe.

- UBND huyện Bù Đốp

+ Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản: Từ năm 2020 - 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND huyện Bù Đốp thành lập 03 đoàn kiểm tra liên quan đến việc quản lý, sử dụng khoáng sản.

+ Việc xử phạt vi phạm liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên khoáng sản: từ năm 2020 - 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường với 20 tổ chức/cá nhân, với tổng số tiền xử phạt 302.000.000 đồng.

Qua kiểm tra một số hồ sơ do đơn vị cung cấp Đoàn Thanh tra ghi nhận: Các lỗi vi phạm đều do san lấp chưa đúng quy định, chưa có chỉ tiêu giao chuyển mục đích sử dụng đất, một số cá nhân, tổ chức vi phạm chưa khắc phục tình trạng ban đầu. Đơn vị chưa thực hiện tốt việc kiểm tra sau khi xử phạt vi phạm hành chính.

6. Việc báo chí phản ánh liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản tại huyện Bù Đăng

6.1. Việc khai thác đá tại xã Đăk Nhau (VTV8 Đài truyền hình Việt Nam) phản ánh

Điểm khai thác khoáng sản là đá nguyên khai tự nhiên, tại vị trí có tọa độ: X 610336; Y = 1328348 nằm trong khoảnh 4, 6 Tiểu khu 135 đất Lâm phần Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đăng thuộc thôn Đăng Lang, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian từ năm 2022 lợi dụng địa hình hiểm trở, xa khu dân cư, một số đối tượng (chưa xác định nhân thân lai lịch) đã tiến hành khoan cuốc trái phép vào ban đêm. Ngày 09/8/2022, Công an huyện Bù Đăng phối hợp Công an xã Đăk Nhau phát hiện tại điểm khai thác trái phép này có khoảng 40m³ đá bazan đủ các kích thước (kích thước lớn nhất dài khoảng 1,5m, rộng 30-40cm), khai thác trái phép, tuy nhiên không phát hiện đối tượng, phương tiện khai thác. Hiện Công an huyện Bù Đăng đang tiến hành xác minh làm rõ vụ việc.

6.2. Việc khai thác đất tại Dự án KDC Nghĩa Trung do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Ninh Phong làm chủ đầu tư

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong được Phòng Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, có mã số 3801243955, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2021, đăng ký thay đổi lần thứ ba, ngày 28/12/2022. Địa chỉ trụ sở chính: tại Tôn Đức Thắng, khu phố 2, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong được UBND tỉnh Bình Phước thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 và được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần 1) tại Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

Ngày 18/01/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 99/QĐ-UBND của về phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo tác động môi trường của dự án Khu dân

cư Nghĩa Trung diện tích 264.297,6m². Công ty đã không thực hiện theo đúng Báo cáo tác động môi trường được phê duyệt cụ thể đối với phần sang nền sử dụng đào đắp tại chỗ, lượng đất dư được tận dụng hết cho dự án như: đắp nền xây dựng, xây khu thương mại, giáo dục, làm tiểu cảnh công viên nên lượng đất dư này sẽ tính cho đất đắp. Tuy nhiên, Công ty chưa được cấp giấy phép khai thác nhưng đã tiến hành mức đất của dự án đổ đi nơi khác về khối lượng và địa điểm đổ thì công ty không nhớ chính xác.

Ngày 24/4/2023, UBND huyện Bù Đăng ban hành Quyết định số 635/QĐ-XPHC về xử phạt hành chính trong lĩnh vực trật tự xây dựng đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong, lý do: Tổ chức thi công xây dựng công trình không giấy phép xây dựng đối với công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Với số tiền phạt là 130.000.000 đồng. Ngày 25/4/2023 Công ty đã nộp số tiền xử phạt vào ngân sách nhà nước.

Cùng ngày, UBND huyện Bù Đăng ban hành Quyết định số 636/QĐ-XPHC về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ninh Phong, lý do: Thực hiện không đúng một trong các nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định cụ thể tại mục 4.2.1 Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 18/1/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo tác động môi trường của dự án Khu dân cư Nghĩa Trung. Với số tiền phạt là 70.000.000 đồng. Ngày 25/4/2023, Công ty đã nộp số tiền xử phạt vào ngân sách nhà nước.

Hiện nay công ty đã ngưng toàn bộ hoạt động san lấp, dọn dẹp mặt bằng đến khi được cấp Giấy phép xây dựng mới triển khai thực hiện dự án.

6.3. Việc san lấp mặt bằng làm thay đổi địa hình của thửa đất tại thôn 5, xã Đức Liễu (Cầu 38)

Theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 24/02/2023 của UBND huyện Bù Đăng thì ngày 15/02/2023, UBND huyện Bù Đăng đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan và UBND xã Đức Liễu tiến hành kiểm tra khu đất của ông Đỗ Thế Vinh và bà Đặng Hồng Nhung đang sử dụng tại thôn 5, xã Đức Liễu để xác minh hiện trạng sử dụng đất và làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của 02 hộ, kết quả:

- Hành vi vi phạm của ông Đỗ Thế Vinh là hủy hoại đất; làm biến dạng địa hình, làm thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất do lấy đất mặt dùng vào việc khác, làm cho bề mặt đất thấp hơn so với thửa đất liền kề tại thửa đất số 104 và 119, tờ bản đồ số 6, khu đất tọa lạc tại thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Diện tích bị hủy hoại, làm biến dạng địa hình là 4.890 m² vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 91/2019/NĐ – CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP, ngày 06/01/2022 của Chính phủ). UBND huyện đang tiến hành xử phạt ông Vinh số tiền là: 20.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng*). Biện pháp khắc phục hậu quả; buộc ông Vinh phải khôi phục lại tình trạng ban

đầu của đất trước khi vi phạm trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Hành vi vi phạm hành chính của bà Đặng Hồng Nhung là: Vi phạm các quy định về lĩnh vực tài nguyên nước; tự ý san, lấp hồ tự nhiên (hồ Thác mớ) mà không có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường. Diện tích vi phạm là 185,6 m² quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP, ngày 06/01/2022 của Chính phủ). UBND huyện Bù Đăng đang tiến hành xử phạt bà Nhung với tổng số tiền là: 65.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng*). Biện pháp khắc phục hậu quả; buộc bà Nhung phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- UBND huyện Bù Đăng đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với 02 hộ trên. Đồng thời, ông Đỗ Thế Vinh và bà Đặng Hồng Nhung đã khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

- Ngày 14/3/2023, Đoàn Thanh tra số 208/QĐ-UBND phối hợp với UBND huyện Bù Đăng, UBND xã Đức Liễu tiến hành kiểm tra thửa đất tại thôn 5, xã Đức Liễu (Cầu 38), Đoàn Thanh tra ghi nhận: Ngày 20/5/2022, UBND huyện Bù Đăng ban hành Quyết định số 1163/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục công trình xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Đức Liễu. Danh mục tuyến đường là Đường bê tông xi măng tổ 2, thôn 5 (đoạn nối dài). Chiều dài của tuyến là 1.200m, chiều rộng mặt đường là 5m, độ dày 16cm. Kinh phí nhà nước 70%, nhân dân đối ứng 30%. Trên tuyến đường bê tông xi măng các hộ dân tự chôn 16 cột điện. Ông Đỗ Thế Vinh và bà Đặng Hồng Nhung tự đầu tư thêm tuyến đường khoảng 100m đi qua thửa đất của mình.

C. NHẬN XÉT

Trong giai đoạn 2020-2022, công tác quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh nói chung, UBND huyện Bù Đăng, UBND huyện Bù Đốp, UBND thị xã Phước Long được quan tâm, chỉ đạo sâu sát và đạt được những kết quả đáng kể trong công tác quy hoạch, lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công tác thực hiện các quy định về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; công tác quản lý nhà nước đối với đất công; tình hình hiến đất làm đường trên địa bàn; công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và khoáng sản.

Tuy nhiên, ngoài những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

1. Công tác quy hoạch, lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm

- UBND huyện Bù Đăng, Bù Đốp: Việc quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm tổ chức triển khai thực hiện chậm là chưa đúng khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định “*Quý III hàng năm, UBND cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau đến Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp tỉnh phê duyệt xong trước ngày 31/12*”.

- UBND huyện Bù Đăng: Công khai Kế hoạch sử dụng đất hàng năm chậm so với quy định tại Điều 48 Luật Đất đai 2013 về công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất “*việc công bố công khai được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt*”.

- UBND huyện Bù Đăng, Bù Đốp: Chưa lấy ý kiến trực tiếp của Nhân dân về kế hoạch sử dụng đất hàng năm là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai 2013 “*việc lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được thực hiện thông qua hình thức tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai thông tin về nội dung của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện*”.

2. Công tác thực hiện các quy định về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

2.1. Đối với UBND huyện Phước Long

- Việc xây dựng phương án đấu giá quyền sử dụng đất, loại đất ở đối với đợt đấu giá khu đất có ký hiệu SL1, SL2, BT 1 (38 lô) thuộc dự án TTHC và khu Đô thị mới thị xã Phước Long là không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, quy định: *Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: ...Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân*. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ và bản giải trình của đơn vị thì trong quá trình soạn thảo xây dựng phương án đấu giá có sai sót nhưng khi triển khai thủ tục bán đấu giá chỉ có cá nhân, hộ gia đình đăng ký tham gia đấu giá.

- Đơn vị chưa cung cấp phiếu trả giá từng vòng đối với 05 đợt đấu giá Khu TTHC và khu Đô thị mới thị xã Phước Long (44 cá nhân; 2 cá nhân; 23 cá nhân; 04 cá nhân; 38 cá nhân). Ngày 12/5/2023, UBND thị xã Phước Long có Báo cáo số 132/BC-UBND về việc giải trình một số nội dung theo kết luận của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, với nội dung: *Đối với phiếu trả giá từng vòng của các đợt đấu giá theo khoản 2 Điều 45 Luật đấu giá tài sản 2016 thì BQLDA ĐT XD không lưu trữ phiếu trả giá mà bên Công ty đấu giá hợp danh Bình Phước lưu trữ phiếu trả giá. Tuy nhiên, khi có yêu cầu của Đoàn thanh tra BQLDA ĐT XD đã phối hợp có văn bản gửi Công ty đấu giá hợp danh Bình Phước yêu cầu đơn vị cung cấp phiếu đấu giá để phục vụ Đoàn thanh tra nhưng đơn vị không cung cấp...*”.

- Xuất chưa kịp thời đối với tất cả các hoá đơn bán ra là vi phạm Điều 98 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về sử dụng hóa đơn “1. Thời điểm lập hóa đơn: Hóa đơn phải được lập ngay khi bán tài sản hoặc khi nhận đủ tiền mua tài sản của tổ chức, cá nhân”.

- Đơn vị thay đổi nội dung đấu giá đã được niêm yết (thay đổi thời gian đấu giá từ ngày 04/10/2021 sang ngày 07/10/2021) đấu giá 04 lô đất (L1-L4) tại khu phố 4, phường Long Thủy, thị xã Phước Long nhưng không thông báo công khai.

- 03/10 trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng không thông qua đấu giá, nhưng không thuộc khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai 2013.¹² Ngày 12/5/2023, UBND thị xã Phước Long có Báo cáo số 132/BC-UBND về việc giải trình một số nội dung theo kết luận của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, với nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai “Các thửa đất có diện tích, hình dạng không đủ tiêu chuẩn diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì thực hiện việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề”. Trên cơ sở đó, UBND thị xã Phước Long giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 03 trường hợp nêu trên. Qua xem xét nội dung giải trình và các quy định của pháp luật, Đoàn Thanh tra nhận thấy nội dung giải trình là có cơ sở.

- Có 12/12 hồ sơ, văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất và xác minh thực địa chung một biên bản do công chức xác nhận là chưa phù hợp; theo quy định việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Đối với UBND huyện Bù Đăng

- Việc xây dựng phương án để đấu giá quyền sử dụng đất, loại đất ở đối với 03 đợt đấu giá là không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, quy định: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: ...Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ và bản giải trình của đơn vị thì trong quá trình soạn thảo xây dựng

¹² Nguyễn Văn Tốt, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 27, diện tích: 58,6m²; địa chỉ: KP5, phường Long Thủy, TX Phước Long; Nguyễn Thị Kim Hoa, thửa đất số 206, tờ bản đồ số 42, diện tích: 24,8m²; địa chỉ: KP1, phường Long Thủy, TX Phước Long; Hoàng Văn Tú, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích: 56,0m²; địa chỉ: KP4, phường Long Thủy, TX Phước Long.

phương án đấu giá có sai sót nhưng khi triển khai thủ tục bán đấu giá chỉ có 01 Công ty TNHH MTV Công Thành đăng ký tham gia đấu giá trúng lô đất số 19, diện tích 277,1m².

- Năm 2022: xuất hóa đơn bán hàng chưa kịp thời đối với tất cả các hoá đơn bán ra là vi phạm Điều 98 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về sử dụng hóa đơn “1. Thời điểm lập hóa đơn: Hóa đơn phải được lập ngay khi bán tài sản hoặc khi nhận đủ tiền mua tài sản của tổ chức, cá nhân”.

- Năm 2021, 2022: Báo cáo sử dụng hoá đơn chậm theo điểm a khoản 2 Điều 99 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ “Hàng năm, chậm nhất ngày 25 tháng 02 của năm sau lập Báo cáo nhập, xuất, tồn hóa đơn năm trước, gửi cơ quan tài chính cấp trên theo Mẫu số 09/TSC-HĐ ban hành kèm theo Nghị định 151”¹³.

- Có 03/16 hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường giao một công chức thực hiện việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và phối hợp xác minh thực địa chung một biên bản là chưa phù hợp; theo quy định việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định Điều 4; khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định: *Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... được lập trên cơ sở hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và ý kiến tại cuộc họp thẩm định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc kết quả kiểm tra thực địa. Khoản 2: Nội dung văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất gồm: Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt...*

- Có 01/16 hồ sơ không có văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định: *Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) quyết định giao đất, cho thuê đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập gồm: Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; ...*

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức tiếp nhận việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện: *Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện: Các phòng, ban cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất thuộc danh mục chỉ tiêu sử dụng đất cấp*

¹³ Năm 2021: 23/8/2021 (chậm 6 tháng); năm 2022: 09/3/2023 (chậm 12 ngày).

huyện theo từng đơn vị hành chính cấp xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương. Các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi nhu cầu sử dụng đất về Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất;

- Có 21/22 hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường giao một công chức thực hiện việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và phối hợp xác minh thực địa chung một biên bản là chưa phù hợp; theo quy định việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: *Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

- Có 04/22 hồ sơ trễ hạn theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành tài nguyên, môi trường.

2.3. Đối với UBND huyện Bù Đốp

- Việc xây dựng phương án để đấu giá quyền sử dụng đất, loại đất ở đối với đợt đấu giá khu đất đường Nguyễn Lương Bằng, khu phố Thanh Xuân, phường Thanh Bình và đợt đấu giá khu đất đường Hùng Vương, đường quy hoạch khu phố Thanh Xuân, phường Thanh Bình và ấp 6, xã Thanh Hoà là chưa đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, quy định: *Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:... Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân.* Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ và bản giải trình của đơn vị thì trong quá trình soạn thảo xây dựng phương án đấu giá có sai sót nhưng khi triển khai thủ tục bán đấu giá chỉ có cá nhân, hộ gia đình đăng ký tham gia đấu giá.

- Có 03/15 hồ sơ trễ hạn là chưa đúng theo Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành tài nguyên, môi trường.

3. Công tác quản lý nhà nước đối với đất công

- UBND thị xã Phước Long; UBND huyện Bù Đốp cơ bản đã thực hiện việc đo đạc, cắm mốc quỹ đất công để quản lý tránh tình trạng tranh chấp, lấn chiếm.

- UBND huyện Bù Đăng còn một số diện tích chưa thực hiện việc đo đạc, cắm mốc quỹ đất công.

4. Việc hiến đất làm đường

UBND thị xã Phước Long; UBND huyện Bù Đăng; UBND huyện Bù Đốp trong kỳ thanh tra chưa phát hiện trường hợp nào hiến đất làm đường.

5. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và khoáng sản

5.1. Đối với UBND huyện Phước Long: Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai hầu hết về san lấp, cải tạo mặt bằng trên đất nông nghiệp. Tuy nhiên, chưa kiểm tra hiện trạng sau khi xử phạt; các hộ vi phạm chưa khắc phục hiện trạng ban đầu, chưa có biện pháp xử lý đối với các hộ vi phạm.

5.2. Đối với UBND huyện Bù Đăng

- Việc ông Triệu Văn Lực, Nguyễn Văn Hòa – xã Đường 10 (tại lô 9, khoảnh 6, tiểu khu 145 và thôn 5) khai thác khoáng sản trái phép; hủy hoại đất; làm biến dạng địa hình; suy giảm khả năng sử dụng đất... nhưng không tiến hành xử phạt theo Quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ) là buông lỏng quản lý.

- Việc ông Nguyễn Xuân Hùng – xã Đăk Nhau tự ý mở đường đi trên đất nông nghiệp không có trong quy hoạch nhưng UBND xã Đăk Nhau chỉ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 6.000.000 đồng (*sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai*) không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; buộc ông Hùng phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là chưa đủ rắn đe.

5.3. Đối với UBND huyện Bù Đốp: Các lỗi vi phạm đều do san lấp chưa đúng quy định, chưa có chỉ tiêu giao chuyển mục đích sử dụng đất, một số cá nhân, tổ chức vi phạm chưa khắc phục tình trạng ban đầu. Đơn vị chưa thực hiện tốt việc kiểm tra sau khi xử phạt vi phạm hành chính.

Tóm lại: Các sai sót, tồn tại nêu trên thuộc trách nhiệm của UBND huyện Bù Đăng; UBND thị xã Phước Long; UBND huyện Bù Đốp và các phòng ban có liên quan.

D. BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những kết luận nêu trên. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

1. Đối với UBND thị xã Phước Long

- Kiểm điểm tổ chức, cá nhân có liên quan đến các sai sót mà Đoàn thanh tra đã nêu ở Phần nhận xét.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thường xuyên kiểm tra, rà soát để xử lý kịp thời các hành vi sử dụng đất sai mục đích (nếu có) của hộ gia đình, cá nhân.

- Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực quản lý sử dụng tài nguyên và khoáng sản trên địa bàn để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

- Trong thời gian tới khi ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với đơn vị tổ chức đấu giá phải thỏa thuận yêu cầu cung cấp phiếu trả giá từng vòng của cuộc đấu giá.

2. Đối với UBND huyện Bù Đăng

- Kiểm điểm tổ chức, cá nhân có liên quan đến các sai sót mà Đoàn thanh tra đã nêu ở Phần nhận xét.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, rà soát để xử lý kịp thời các hành vi sử dụng đất sai mục đích (nếu có) của hộ gia đình, cá nhân.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn; lập và trình thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo thời gian theo quy định.

- Chấn chỉnh ngay tình trạng hồ sơ trễ hạn đối với các thủ tục hành chính cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà Đoàn thanh tra đã nêu ở Phần nhận xét.

- Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực quản lý sử dụng tài nguyên và khoáng sản trên địa bàn để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

- Có phương án xử lý đối với trường hợp ông Đỗ Thế Vinh; bà Đặng Hồng Nhung ngụ tại thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng trong việc tự đầu tư thêm tuyến đường khoảng 100m đi qua thửa đất của mình.

- Khẩn trương thực hiện việc đo đạc, cắm mốc quỹ đất công còn lại để quản lý tránh tình trạng tranh chấp, lấn chiếm.

3. Đối với UBND huyện Bù Đốp

- Kiểm điểm tổ chức, cá nhân có liên quan đến các sai sót mà Đoàn thanh tra đã nêu ở Phần nhận xét.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, rà soát để xử lý kịp thời các hành vi sử dụng đất sai mục đích (nếu có) của hộ gia đình, cá nhân.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn; lập và trình thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo thời gian theo quy định.

- Chấn chỉnh ngay tình trạng hồ sơ trễ hạn đối với các thủ tục hành chính cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà Đoàn thanh tra đã nêu ở Phần nhận xét.

- Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực quản lý sử dụng tài nguyên và khoáng sản trên địa bàn để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đối với Sở Tư pháp

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, chấn chỉnh hoạt động đấu giá trên địa bàn tỉnh; đề xuất biện pháp xử lý đối với những tồn tại, hạn chế của của các cơ quan, tổ chức như đã nêu ở kết luận.

5. Đối với Thanh tra tỉnh

Tổ chức công bố Kết luận và đôn đốc các đơn vị, cá nhân thực hiện Kết luận này; tổng hợp kết quả thực hiện; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Chánh Thanh tỉnh lựa chọn hình thức công bố Kết luận thanh tra trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

(Gửi kèm: Các phụ lục)./.

Nơi nhận:

- Cục III, Thanh tra Chính Phủ;
- TTTU;
- Ban Nội chính tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- UBND huyện Bù Đăng;
- UBND huyện Bù Đốp;
- UBND thị xã Phước Long;
- Đoàn Ttra số 208/QĐ-UBND (Thanh tra tỉnh);
- LĐVP, P.NC;
- Lưu: VT. M/DN37.



Trần Tuệ Hiền



KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU TỪ NĂM 2020- 2022 TẠI UBND HUYỆN BÙI ĐĂNG
(Kèm theo Kết luận số 234 /KL-UBND ngày 25 / 7 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Biểu số 01a

STT	Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu trong năm Kế hoạch sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	Kết quả thực hiện diện tích đất nông nghiệp	137,378.56	135,485.15	136,778.50	135,985.67	133,643.15	135,478.44	
2	Kết quả thực hiện diện tích trồng lúa	859.43	858.87	841.63	860.34	852.22	860.34	
3	Kết quả thực hiện diện tích đất ở nông thôn	565.02	603.05	866.68	591.12	1,039.10	650.99	
4	Kết quả thực hiện diện tích đất ở đô thị	63	61.22	65.03	65.92	122.87	67.23	
5	Kết quả thực hiện diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan	38.53	37.7	46.67	36.66	85.19	35.46	
6	Kết quả thực hiện diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	499.42	117.87	985.58	125.65	2,342.52	462.17	
7	Kết quả thực hiện diện tích đất thương mại dịch vụ	63.25	36.03	81.01	43.59	87.47	45.09	
8	Khác...	139,467.21	137,199.89	139,665.10	137,708.95	138,172.52	137,599.72	
Tổng								

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG NĂM 2020-2022 TẠI UBND HUYỆN BÙ ĐÓP
(Kèm theo Kết luận số 234/KL-UBND ngày 25 / 7 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Biểu số 01b

ĐVT: Ha

STT	Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu trong năm Kế hoạch sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	Kết quả thực hiện diện tích đất nông nghiệp	31,727.71	33,645.71	32,698.84	33,755.78	32,342.63	33,667.70	
2	Kết quả thực hiện diện tích đất trồng lúa	1,697.93	1760.71	1,697.93	1,507.88	1,471.09	1,507.88	
3	Kết quả thực hiện diện tích đất ở nông thôn	310	274.22	330	300.4	394.07	300.4	
4	Kết quả thực hiện diện tích đất ở đô thị	63	49.61	68	57.03	72.58	57.03	
5	Kết quả thực hiện diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan	31.53	24.58	30.78	25.8	44.23	25.8	
6	Kết quả thực hiện diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	339.21	115.13	1,197.51	74.46	1,463.15	17.94	
7	Kết quả thực hiện diện tích đất thương mại dịch vụ	315	10.71	184.67	14.82	197.51	14.82	
8	Khác...							



Biểu số 01c
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG NĂM 2020- 2022 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
(Kèm theo Kết luận số **234** /KL-UBND ngày **25** / **7** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

đơn vị tính: ha

STT	Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu trong năm Kế hoạch sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	Kết quả thực hiện diện tích đất nông nghiệp	8,045.85	8,178.12	7,944.52	8,153.46	8,205.33	8,134.56	
2	Kết quả thực hiện diện tích trồng lúa	68.6	60.92	60.92	60.92	75.52	60.92	
3	Kết quả thực hiện diện tích đất ở nông thôn	92	90.78	96.23	94.04	104.39	95.09	
4	Kết quả thực hiện diện tích đất ở đô thị	381.62	380.32	436.91	391.98	505.24	395.03	
5	Kết quả thực hiện diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan	26.34	26.64	26.86	26.21	26.47	20.88	
6	Kết quả thực hiện diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp							
7	Kết quả thực hiện diện tích đất thương mại dịch vụ	297.7	7.01	259.19	5.53	9.09	8.07	
8	Khác...							
Tổng								

BẢNG KẾ CHẠM HOÀN TRẢ TIỀN CỌC TRƯỚC ĐẤU GIÁ TẠI UBND HUYỆN PHƯỚC LONG

(Kèm theo Kết luận số 234 /KL-UBND ngày 25 / 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Nội dung hoàn trả tiền cọc	Số tiền hoàn	Ngày hoàn	Số ngày chậm	Ghi chú
I. CỤM 44 LÔ ĐẤU GIÁ NGÀY 24-26/2/1020					
1	Phạm Can đầu giá ngày 24/2/2020	4,000,000,000	2/3/2020	6 ngày	
2	Trình Thị Hồng Khánh đầu giá ngày 24/2/2020	1,950,000,000	6/3/2020	10 ngày	
3	Đỗ Ngọc Lan đầu giá ngày 24/2/2020	182,952,000	16/3/2020	20 ngày	
4	Phạm Văn Bình đầu giá ngày 24/2/2021	182,952,000	16/3/2020	20 ngày	
II CỤM 23 LÔ ĐẤU GIÁ NGÀY 07/12/2020					
1	Phạm Thế Minh Hiền đầu giá ngày 7/12/2020	365,012,280	11/12/2020	1 ngày	
2	Đỗ Thị Thương	312,000,000	11/12/2020	1 ngày	
3	Đỗ Thị Thương	5,288,888	15/12/2020	3 ngày	
III/ CỤM 38 LÔ ĐẤU NGÀY 08/3/2021					
1	Do Van Thuyen	180,000,000	15/3/2021	2 ngày	
2	Hoang Si Luong	109,089,815	15/3/2021	2 ngày	
3	Tran Thi Thanh My	836,771,305	16/3/2021	3 ngày	
4	Pham Duc Duy Khuong	570,887,925	17/3/2021	4 ngày	
5	Nguyen Xuan Phuoc	236,021,715	18/3/2021	5 ngày	
6	Nguyen Thi Vui	250,000,000	22/3/2021	8 ngày	
7	Tran Van Luong	185,743,080	25/3/2021	11 ngày	



BẢNG TỔNG HỢP KIỂM TRA 03 ĐỢT ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
(Kèm theo Kết luận số 234/KL-UBND ngày 25 / 7 / 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên dự án đấu giá đất	Tên cá nhân, tổ chức trúng đấu giá	Quyết định		Địa chỉ lô đất					Diện tích (m ²)	Tổng số tiền SDD phải nộp NS	Số tiền SDD đã nộp NS	Số tiền SDD còn nợ (không nộp)	Ghi chú
			Số	Ngày tháng năm	Địa chỉ	Ký hiệu lô đất	Thửa đất	Tờ bản đồ						
1	Đấu giá lô đất Hội Người mù cũ (tổ chức ngày 18/12/2020)	Trần Văn Anh Dũng	2998	22/12/2020	Khu phố Đức Thọ, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Hội Người mù cũ	29	28	498,7	2.150.000.000	2.150.000.000	0		
2	Đấu giá 21 lô đất thuộc khu Đồi văn hóa Bom Bo (tổ chức ngày 18/12/2020)	Nguyễn Văn Bắc	2997	22/12/2020	Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 01	176	34	300,0	1.700.000.000	1.700.000.000	0		
		Huỳnh Xuân Linh			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 02	177	34	250,0	1.450.000.000	1.450.000.000	0		
		Đoàn Thị Tuyết Lanh			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 03	178	34	250,0	1.470.000.000	1.470.000.000	0		
		Nguyễn Văn Bắc			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 04	179	34	250,0	1.700.000.000	1.700.000.000	0		
		Huỳnh Mai			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 05	180	34	250,0	1.600.000.000	1.600.000.000	0		
		Nguyễn Thị Hòa			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 06	181	34	250,0	1.263.000.000	1.263.000.000	0		
		Bùi Thị Thảo			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 07	182	34	250,0	1.900.000.000	153.950.000	0	Tích thu tiền cọc (153.950.000 đồng) do người trúng đấu giá không thực hiện nộp tiền trúng đấu giá theo quy định	
		Lê Thị Lan			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 08	183	34	250,0	1.240.000.000	1.240.000.000	0		
		Lê Thị Lan			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 09	184	34	250,0	1.240.000.000	1.240.000.000	0		
		Lương Văn Oát			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 10	185	34	250,0	1.390.000.000	1.390.000.000	0		
		Bùi Đức Thuận			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 11	186	34	250,0	1.350.000.000	1.350.000.000	0		
		Hoàng Đình Niên			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 12	187	34	368,8	1.450.000.000	1.450.000.000	0		
		Hoàng Đình Niên			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 13	188	34	398,1	1.670.000.000	1.670.000.000	0		
		Nguyễn Thị Hòa			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 14	189	34	292,3	1.155.000.000	1.155.000.000	0		
		Nguyễn Văn Thành			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 15	190	34	282,0	1.230.000.000	1.230.000.000	0		
		Nguyễn Văn Thành			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 16	191	34	266,2	1.230.000.000	1.230.000.000	0		

STT	Tên dự án đấu giá đất	Tên cá nhân, tổ chức trúng đấu giá	Quyết định		Địa chỉ lô đất						Diện tích (m ²)	Tổng số tiền SDD phải nộp NS	Số tiền SDD đã nộp NS	Số tiền SDD còn nợ (không nộp)	Ghi chú
			Số	Ngày tháng năm	Địa chỉ	Ký hiệu lô đất	Thửa đất	Tờ bản đồ							
3	Đấu giá 10 lô đất ở phân lô khu dân cư thuộc quy hoạch phân lô dự án xây dựng đường D1 nối dài, thị trấn Đức Phong (tổ chức ngày 07/11/2022)	Nguyễn Văn Thành	2449	15/11/2022	Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 17	192	34	257,5	1.210.000.000	1.210.000.000	0			
		Đoàn Thị Tuyết Lanh			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 18	193	34	262,3	1.211.000.000	1.211.000.000	0			
		Công ty TNHH Một thành viên Công Thành			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 19	194	34	277,1	1.200.000.000	1.200.000.000	0			
		Bùi Thị Thảo			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 20	195	34	296,5	1.170.000.000	1.170.000.000	0			
		Nguyễn Thị Hòa			Thôn 4, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô số 21	196	34	304,9	1.218.000.000	1.218.000.000	0			
		Hoàng Văn Tuệ			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C10	432	37	150,0	950.000.000	950.000.000	0			
		Hoàng Thị Hiếu			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C12	434	37	150,0	950.000.000	950.000.000	0			
		Hoàng Quốc Dũng			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C13	435	37	150,0	900.000.000	900.000.000	0			
		Hàng Hoàng Hào			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C14	436	37	150,0	900.000.000	900.000.000	0			
		Nguyễn Trí Luân			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C15	437	37	150,0	901.200.000	901.200.000	0			
		Đậu Ngọc Quang			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C16	438	37	150,0	880.000.000	880.000.000	0			
		Nguyễn Thị Đông Phương			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C17	439	37	150,0	1.019.000.000	1.019.000.000	0			
		Hoàng Văn Toàn			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C19	441	37	150,0	970.000.000	970.000.000	0			
		Phạm Thị Hương			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C20	442	37	166,4	1.125.000.000	1.125.000.000	0			
		Lê Hồng Toàn			Khu phố Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Lô C51	641	37	288,8	1.725.000.000	1.725.000.000	0			
TỔNG CỘNG									7.959,6	41.517.200.000	39.771.150.000	0			

BẢNG TỔNG HỢP CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
(Kèm theo Kết luận số **234/KL-UBND** ngày **25 / 7 /2023** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hợp đồng thuê đất,		Tên tổ chức, cá nhân được thuê đất, thuê mặt nước	số thửa	Tờ bản đồ	Địa chỉ	Diện tích đất	Mục đích thuê	Một số sai sót			Ghi chú
	Số	Ngày tháng năm							Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất và xác minh thực địa chung một văn bản, do chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận	Chỉ nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai không ghi thời gian nhận đơn đăng ký biến động	Không có văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất	
1	4	04/02/2021	Ngô Thị Trinh	109	18	Minh Hung	700,0	SKC	x			
2	5	04/02/2021	Đinh Thị Hoa	106	18	Minh Hung	800,0	SKC	x	x		
3	14	12/05/2021	Lê Quốc Uy	38	60	Đức Liễu	2.000,0	SKC	x			
4	16	08/06/2021	Nguyễn Thị Suong	689	15	Nghĩa Trung	500,0	TMD	x			
5	16	08/06/2021	Nguyễn Thị Suong	214	15	Nghĩa Trung	648,6	ONT	x			
6	17	28/06/2021	Phan Văn Hào	7	30	Bom Bo	415,8	TMD				
7	18	01/07/2021	Bùi Văn Bảo	54	22	Phú Sơn	600,0	SKC				
8	19	15/07/2021	Nguyễn Hồng Nga	46	40	Đức Liễu	5.000,0	SKC				
9	20	15/07/2021	Tà Quang Huyền	63	48	Đức Liễu	5.000,0	SKC		x		
10	21	05/10/2021	Phan Văn Hào	371	30	Bom Bo	2.570,0	SKC		x		
11	22	10/11/2021	Trịnh Văn Khởi	177	25	Đàng Hà	3.000,0	TMD		x		
12	23	17/11/2021	Trần Thị Phương	90	80	Thống Nhất	400,0	TMD		x		
13	26	27/12/2021	Bùi Đức Thịnh	42	27	Thống Nhất	2.000,0	SKC		x		
14	4	12/05/2022	Nguyễn Quốc Hưng	93	11	Minh Hung	4.032,3	SKC		x		
15	5	12/05/2022	Nguyễn Quốc Hưng	94	11	Minh Hung	3.968,7	SKC		x		
16	8	22/06/2022	Trần Thị Hòa	363	45	Thọ Sơn	4.000,0	SKC			x	
Tổng cộng							35.635,4					

BẢNG KÊ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI TẠI TX. PHƯỚC LONG

(Kèm theo Kết luận số ~~234~~/KL-UBND ngày 25 / 7 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Năm	Tổng số HS	Đã giải quyết (Hồ sơ)			Đang giải quyết (Hồ sơ)		
			Tổng	Trước và đúng hạn	Trễ hạn	Tổng	Trong hạn	Trễ hạn
1	2020	102	102	102	0	0	0	0
2	2021	38	38	38	0	0	0	0
3	2022	62	62	62	0	0	0	0



DANH SÁCH CÁC HỒ SƠ CẤP MỚI TÀI UBND TX. PHƯỚC LONG
(Kèm theo Kết luận số **234**/KL-UBND ngày **25** / **7** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Sst	Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Địa chỉ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Tho	số thửa 01	tờ bản đồ 1080 – 2022	thôn 7, xã Long Giang, thị xã Phước Long	
2	Nguyễn Tấn Bôn,	số thửa 01	tờ bản đồ 759 – 2022	thôn An Lương, xã Long Giang, thị xã Phước Long	
3	Nguyễn Thị Tâm	số thửa 02	tờ bản đồ 1112 – 2022	thôn 7, xã Long Giang, thị xã Phước Long	
4	Nguyễn Văn Tốt	thửa đất số 171	tờ bản đồ số 27	KP5, phường Long Thủy, TX Phước Long	
5	Nguyễn Thị Kim Hoa	thửa đất số 206	tờ bản đồ số 42	KP1, phường Long Thủy, TX Phước Long.	
6	Đoàn Văn Sáng	thửa đất số 120	tờ bản đồ số 09	địa chỉ: KP4, phường Long Thủy, TX Phước Long	
7	Hoàng Văn Tú	thửa đất số 95	tờ bản đồ số 10	KP4, phường Long Thủy, TX Phước Long	
8	Hoàng Thị Bảy	thửa đất số 101	tờ bản đồ số 10	KP4, phường Long Thủy, TX Phước Long	
9	Hoàng Thị Kim Tuyên	thửa số 20	tờ bản đồ số 27	khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình, thị xã Phước Long	
10	Nguyễn Thị Kim Phương	thửa số 89	tờ bản đồ số 13	khu phố 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long	

BẢNG KÊ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI TẠI HUYỆN BÙ ĐĂNG*(Kèm theo Kết luận số 234 /KL-UBND ngày 25 / 7 /2023**của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Stt	Năm	Tổng số HS	Đã giải quyết (Hồ sơ)			Đã giải quyết (Hồ sơ)		
			Tổng	Trước và đúng hạn	Trễ hạn	Tổng	Trong hạn	Trễ hạn
1	2020	13.924	13.385	13.291 (98,84%)	154 (1,16%)	539	539	
2	2021	10.133	9.691	9.535 (98,4%)	156 (1,6%)	668	668	
3	2022	24.286	21.884	21.884 (100%)	0	2.442	2.442	

DANH SÁCH CÁC HỒ SƠ CẤP MỚI TẠI UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
(Kèm theo Kết luận số **234**/KL-UBND ngày **25/ 7** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Số thửa	Tờ bản đồ	Địa chỉ	Ghi chú
1	Lê Nguyên Thêm	số thửa 303	tờ bản đồ 48	Khu Đức Lợi, thị trấn Đức Phong.	
2	Phạm Thị Chắt	số thửa 210	tờ bản đồ 48	Khu Đức Lợi, thị trấn Đức Phong.	
3	Đỗ Thị Khảm	số thửa 49	tờ bản đồ 22	thôn 3 xã Bom Bo	
4	Ông Phạm Văn Tụng	số thửa 473	tờ bản đồ 10	thôn 9 xã Bom Bo	
5	Nguyễn Thị Kim Lê	số thửa 7	tờ bản đồ 19	thôn 1 xã Đoàn Kết.	
6	Hứa Minh Sinh	số thửa 156	tờ bản đồ 28	thôn 3 xã Đoàn Kết.	
7	Thị Phú	số thửa 1060	tờ bản đồ 38	thôn 7 xã Đoàn Kết	
8	Nguyễn Văn Nhu	số thửa 199	tờ bản đồ 52	thôn 8 xã Đức Liễu.	
9	Trương Thế Vân	số thửa 73	tờ bản đồ 23	thôn 5 xã Đức Liễu.	
10	Nguyễn Văn Vượng	số thửa 359	tờ bản đồ 47	thôn 2 xã Đức Liễu.	
11	Triệu Văn Quân	số thửa 157	tờ bản đồ 17	thôn 2 xã Đường 10	
12	Trương Văn Khải	số thửa 132,	tờ bản đồ 17	thôn 1 xã Đường 10	
13	Chu Đình Dương	số thửa 161	tờ bản đồ 16	thôn 2 xã Đường 10	
14	Triệu Văn Lê	số thửa 435	tờ bản đồ 44	thôn 4 xã Đăng Hà, GCN cấp tháng 11/2020	
15	Trương Văn Vinh	số thửa 335	tờ bản đồ 47	thôn 3 xã Đăng Hà	
16	Nguyễn Văn Tuyên	số thửa 177	tờ bản đồ 34	thôn 5 xã Đăng Hà,	
17	Vũ Viết Toàn	số thửa 15	tờ bản đồ 10	thôn Bình Hoà, xã Nghĩa Bình	
18	Nịnh Văn Nam	số thửa 229	tờ bản đồ 05	thôn Bình Hoà, xã Nghĩa Bình, GCN cấp tháng 1/2021.	
19	Sỹ Chánh Vũ	số thửa 122	tờ bản đồ 17	thôn Bình Tiến, xã Nghĩa Bình.	
20	Nguyễn Hoàng Lâm	số thửa 25	tờ bản đồ 11	thôn Bình Hoà, xã Nghĩa Bình.	
21	Đoàn Thị Minh	số thửa 97	tờ bản đồ 29	thôn 3 xã Nghĩa Trung	
22	Nguyễn Thị Tuyết	số thửa 602	tờ bản đồ 15	thôn 6 xã Nghĩa Trung.	
23	Bùi Thị Dinh,	số thửa 84	tờ bản đồ 08	thôn 1 xã Nghĩa Trung	

BẢNG KÊ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI TẠI HUYỆN BÙ ĐÓP
(Kèm theo Kết luận số 234 /KL-UBND ngày 25/ 7 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Năm	Tổng số HS	Đã giải quyết (Hồ sơ)			Đang giải quyết (Hồ sơ)		
			Tổng	Trước và đúng hạn	Trễ hạn	Tổng	Trong hạn	Trễ hạn
1	2020	13.853	13.420	13.376	44	433	433	0
2	2021	17.920	17.592	17.532	60	328	328	0
3	2022	20.656	20.412	20.397	15	244	244	0

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM TRA CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TẠI TX. PHƯỚC LONG
(Kèm theo Kết luận số 234/KL-UBND ngày 25 / 7 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chủ sử dụng đất, địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích xin CMD	Địa chỉ thửa đất	Loại đất trước khi CMD	Loại đất sau khi CMD	Quyết định chuyển mục đích	Có sai sót, văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất và xác minh thực địa chung một văn bản, do chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân Oanh	19	32	700	Khu phố 2, phường Thác Mơ	CLN	ODT	Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	X	
2	Phan Thị Gải	PT	DL	2000	Thôn Hưng Lập, xã Phước Tín	CLN	SKC	Quyết định số 3829/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	X	
3	Nguyễn Thanh	385	27	931,7	Khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	CLN	SKC	Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	X	
4	Lê Kim Diệp	5	827-2019	818; 477	Thôn Phước Yên, xã Phước Tín	CLN;SKC	ONT	Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 7/8/2020	X	
5	Nguyễn Anh Tuấn	6	537-2021	140	Thôn Hưng Lập, xã Phước Tín	CLN	ONT	Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	X	
6	Nguyễn Thái Công	233	16	1539,7	Thôn 7, xã Long Giang	CLN	ONT	Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	X	
7	Trần Quang Đại	119	31	1323,2	Khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang	CLN	ODT	Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 2/8/2021	X	
8	Trần Quang Đại	85	31	1823,4	Khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang	CLN	ODT	Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 2/8/2021	X	

9	Ngô Quốc Thu	125	30	1300	Khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang	CLN	ODT	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	X	
10	Nguyễn Chí Thành	3	22	500	Khu phố 1, phường Long Phước	CLN	ODT	Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	X	
11	Nguyễn Phong	359	35	1000	Khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình	CLN	ODT	Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	X	
12	Trương Thành Sơn	521	27	2495,5	Khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang	CLN	ODT	Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	X	

12/10/2023

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TẠI HUYỆN BÙ ĐĂNG
(Kèm theo Kế hoạch số **234**/KL-UBND ngày **25/7/2023** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chủ sử dụng đất, địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích xin CMD (m2)	Địa chỉ thửa đất	Loại đất trước khi CMD	Loại đất sau khi CMD	Quyết định chuyển mục đích	Một số sai sót			Ghi chú
									Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất và xác minh thực địa chung một văn bản, do chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chưa ghi thời gian nhận đơn đăng ký biến động đất đai	Trễ hạn	
1	Trần Xuân Toàn thôn 3, xã Bom Bo	252	22	400	Thôn 3, xã Bom Bo	CLN	ONT	Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2020	X			
2	Nguyễn Văn Thế Đức Hòa, thị trấn Đức Phong	116	4	400	Thôn 1, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03/01/2020	X			
3	Nguyễn Văn Thái thôn 1, xã Minh Hưng	232	4	300	Thôn 1, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2020	X			
4	Hoàng Anh Ngọc thôn 1, xã Đức Liễu	40	43	300	Thôn 8, xã Đức Liễu	CLN	ONT	Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 03/01/2020	X			
5	Trần Đình Phước Đức lập, thị trấn Đức Phong	49	42	200	Thôn 5, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 03/01/2020	X		Trễ hạn	
6	Lê Văn Toàn thôn 6, xã Đức Liễu	39	21	400	Thôn 6, xã Đức Liễu	CLN	ONT	Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	X			
7	Quách Thị Dũng thôn 6, xã Bom Bo	101	17	400	Thôn 6, xã Bom Bo	CLN	ONT	Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 10/1/2020	X	X		
8	Lương Thị Anh thôn 8, xã Minh Hưng	36	35	400	Thôn 8, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	X			
9	Nguyễn Anh Vũ khu phố Tân Bình, phường Tân Bình, Đồng Xoài	131	29	400	Thôn 3, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 22/5/2020	X		Trễ hạn	
10	Trương Trường Thông thôn 2, xã Minh Hưng	91	33	400	Thôn 1, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	X			

11	Thị Thuận thôn 5, xã Minh Hưng	8	41	400	Thôn 5, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	x	X	Trễ hạn
12	Thới Thị Lành thôn 8, xã Nghĩa Trung	324	29	400	Thôn 8, xã Nghĩa Trung	CLN	ONT	Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 19/9/2020	x		
13	Bùi Văn Kỳ thôn 6, xã Minh Hưng	7	15	400	Thôn 6, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 21/7/2020		X	
14	Võ Văn Pầu khu phố 4, phường Xuân An, tp Long Khánh, Đồng Nai	68	32	400	Thôn 8, xã Thống nhất	CLN	ONT	Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 22/1/2020	x	X	Trễ hạn
15	Phan Văn Cường ấp Tân Lập, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản	255	15	400	Thôn 4, xã Bình Minh	CLN	ONT	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 12/2/2020	x	X	
16	Trịnh Bảo Quốc thôn 5, xã Đoàn Kết	145	1	100	Đức Lập, thị trấn Đức Phong	CLN	ONT	Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 6/2/2020	x	X	
17	Đỗ Phấn thôn 1, xã Nghĩa Trung	345	15	200	Thôn 1, xã Nghĩa Trung	CLN	ONT	Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 6/2/2020	x	X	
18	Bùi Thị Vân thôn 4, xã Minh Hưng	32	9	300	Thôn 4, xã Minh Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	x	X	
19	Đoàn Thanh Thụ thôn 1, xã Đức Liễu	19	17	200	Thôn 10, xã Đức Liễu	CLN	ONT	Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 17/3/2020	x	X	
20	Bùi Xuân Tiến	283	48	300	Đức Lợi, Đức Phong	CLN	ONT	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 6/2/2020	x	X	
21	Lê Văn Hoàng khu phố 3A, phường Thanh Lộc, quận 2, HCM	129	52	200	Thôn 8, xã Đức Liễu	CLN	ONT	Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 3/1/2020	x		
22	Lê Văn Hoàng khu phố 3A, phường Thanh Lộc, quận 2, HCM	128	52	200	Thôn 8, xã Đức Liễu	CLN	ONT	Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 3/1/2020	x		
	Tổng cộng			7100					21	10	4

BẢNG TỔNG HỢP CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TẠI HUYỆN BÙ ĐÓP
(Kèm theo Kế luận số **234/KL-UBND** ngày **25 / 7 /2023** của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Chủ sử dụng đất, địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích xin CMD	Địa chỉ thửa đất	Loại đất trước khi CMD	Loại đất sau khi CMD	Quyết định chuyển mục đích	Trễ hạn	Ghi chú
1	Vũ Trọng Thao, xã Phước Thiện	3	18	100	ấp Mười Mầu, xã Phước Thiện	CLN	ONT	Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 27/01/2022		
2	Lê Thị Huyền Trang, Cà Mau	428	8	100	ấp Tân An, xã Tân Tiến	CLN	ONT	Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 22/12/2021		
3	Nguyễn Văn Hào, thị trấn Thanh Bình	271	13	100	ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình	CLN	ODT	Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	x	
4	Nguyễn Văn Hạnh, xã Thanh Hoà	278	22	50	ấp 6, xã Thanh Hoà	CLN	ONT	Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 02/12/2021		
5	Nguyễn Văn Hưng, xã Hưng Phước	592	15	300	ấp Bù Tam, xã Hưng Phước	CLN	ONT	Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 29/10/2021		
6	Trần Đức Lộc, thị trấn Thanh Bình	51	19	300	ấp Thanh Sơn, thị trấn Thanh Bình	CLN	ODT	Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	x	
7	Điền Thị Uyên, thị trấn Thanh Bình	15	34	50	khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình	CLN	ODT	Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 30/12/2020		
8	Phạm Thị Sai, xã Hưng Phước	156	9	300	ấp 3, xã Hưng Phước	CLN	ONT	Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 29/10/2021		
9	Nguyễn Văn Thuận, xã Thiện Hưng	122	5	200	ấp 5, xã Thiện Hưng	CLN	ONT	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 16/01/2020		
10	Đinh Thị Thanh Tâm, Quận Bình Thạnh, HCM	862	39	400	ấp 5, xã Thanh Hoà	CLN	ONT	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 21/01/2022		
11	Lê Thị Thanh Huyền, phường Long Phước, thị xã Phước Long	289	24	100	ấp Tân Định, xã Tân Thành	CLN	ONT	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 22/12/2021		
12	Đặng Anh Thư, thị trấn Thanh Bình	54	68	150	khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình	CLN	ODT	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 8/2/2022		
13	Phạm Thị Ty, ấp 2, xã Lộc Điền, Lộc Ninh	291	5	500	ấp 4, xã Hưng Phước	CLN	ONT	Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 6/12/2021		
14	Phạm Thị Ty, ấp 2, xã Lộc Điền, Lộc Ninh	290	5	500	ấp 4, xã Hưng Phước	CLN	ONT	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 6/12/2021		
15	Phan Văn Xẻo, Bình Chánh, HCM	57	3	400	ấp Phước Tiến, xã Hưng Phước	CLN	ONT	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	x	